

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST

Ngày 12 tháng 5 năm 2025.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Viết Cẩm.

2. Ông Lê Văn Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Ông Nguyễn Tắc Bắc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 262/2024/TLST-DS ngày 23/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 360/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1982;

Nơi thường trú: Số 133A Trần Bình Trọng, p 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: A12 H, khu phố 4, khu dân cư T, phường P, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền là bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1983 và bà Lê Thúy H, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: 423/9/7 Đ, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: A12, Hoàng Quốc Việt, Khu phố 4, KDC T, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Lưu Quang T, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Số 246, tổ 2, khu phố 7, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Lê Thị Ngọc A có mặt; ông T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc A trình bày:***

Do quen biết nên từ năm 2017 đến ngày 24/04/2020 ông Lưu Quang T nhiều lần mượn tiền của bà Nguyễn Thị Thanh P và bà P đã chuyển khoản vào tài khoản ông T và tài khoản của Cơ Sở T Hiện (do ông T làm chủ) để cho ông T mượn tiền, trong khoảng thời gian này ông T cũng trả nợ cho bà P nhiều đợt, đến ngày 24/04/2020 bà P và ông T ra phòng công chứng T, địa chỉ 448 N, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh chốt lại số nợ bằng hợp đồng vay tiền số công chứng 00005269 với số tiền là: 50.000.000.000đ (Năm mươi tỷ đồng), kèm theo là biên nhận tiền ngày 24/4/2020. Bà P và ông T có thỏa thuận miệng lãi suất 20%/năm và trong khoảng thời gian từ ngày 24/04/2020 đến ngày 18/11/2021 ông T có trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận nêu trên và mượn thêm tiền nhiều lần để xoay sở việc làm ăn. Đến ngày 18/11/2021 bà P và ông T ký xác nhận công nợ bằng biên bản, cụ thể theo “biên bản giao nhận tiền và xác nhận công nợ” ông T còn nợ bà P số tiền gốc là: 57.700.000.000đ (Năm mươi bảy tỷ bảy trăm triệu đồng). Tuy nhiên, kể từ ngày 18/11/2021 cho đến nay ông Lưu Quang T không trả nợ cho bà P bất cứ khoản tiền nào, bà P đã nhiều lần liên lạc để yêu cầu trả tiền nợ, nhưng ông T cố tình tránh né bà P và không trả nợ. Nên để đảm bảo quyền lợi của bà P khởi kiện ông T tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai và yêu cầu Tòa án buộc ông Lưu Quang T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh P số tiền nợ gốc là 57.700.000.000 đồng và tạm tính tiền lãi từ ngày 18/11/2021 đến ngày 10/10/2024 là 33.418.575.342 đồng; tổng cộng là 91.118.575.342đ (chín mươi một triệu một trăm mười tám triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi đồng). Số tiền bà P cho ông T vay là tài riêng của bà P không liên quan đến ai, do đó bà P không yêu cầu Tòa án đưa thêm người liên quan tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu tính lãi số tiền 33.418.575.342đ (ba mươi ba tỷ bốn trăm mười tám triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi hai đồng) đối với bị đơn ông Lưu Quang T, giữ nguyên yêu cầu buộc ông T trả cho bà P số tiền gốc là 57.700.000.000đ (năm mươi bảy tỷ bảy trăm triệu đồng).

Khi vay tiền bà P thì ông T và bà P có ký “Hợp đồng ủy quyền ngày 26/9/2017” giữa người ủy quyền công ty TNHH T do ông Lưu Quang T ký kết với người nhận ủy quyền bà Nguyễn Thị Thanh P về việc ủy quyền cho bà P đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 120 và các thửa đất số 556, số 557, số 558 cùng tờ bản đồ số 121 tọa lạc tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai, các thửa đất này giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Công ty T. Hợp đồng này chỉ lập văn bản không công chứng, chứng thực và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất những thửa đất nêu trên ông T vẫn đang quản lý, sử dụng. Vì vậy đối với hợp đồng ủy quyền này bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án buộc bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bà P không có ý kiến gì.

*** Bị đơn ông Lưu Quang T xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử ông T có trình bày ý kiến như sau:**

Ông T có quen biết với bà Nguyễn Thị Thanh P do bà P sống chung như vợ chồng với cháu của ông T là ông Trần Văn V. Ông T từ năm 2017 đến năm 2021 có nhiều lần vay tiền của bà P. Quá trình vay có lúc trả rồi, vay thêm. Đến ngày 18/11/2021 ông T và bà P có ký xác nhận nợ theo “biên bản giao nhận tiền và xác nhận công nợ ngày 18/11/2021” ông T còn nợ bà P số tiền gốc là: 57.700.000.000 đồng (Năm mươi bảy tỷ bảy trăm triệu đồng). Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai thì ông T đồng ý trả số tiền 57.700.000.000đ (năm mươi bảy tỷ bảy trăm triệu đồng) cho bà P nhưng không đồng ý trả lãi đối với số tiền 33.418.575.342đ (ba mươi ba tỷ bốn trăm mười tám triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi hai đồng).

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đây là phiên tòa lần thứ hai nên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn để giải quyết dứt điểm vụ án là phù hợp.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Lưu Quang T. Buộc ông Lưu Quang T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn

Thị Thanh P số tiền 57.700.000.000 đồng (năm mươi bảy tỷ bảy trăm triệu) đồng. Đình chỉ yêu cầu về việc tính lãi của nguyên đơn đối với số 33.418.575.342đ (ba mươi ba tỷ bốn trăm mười tám triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi hai đồng).

Buộc ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà Nguyễn Thị Thanh P nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Lưu Quang T và ông T có địa chỉ cư trú: Số 246, tổ 2, khu phố 7, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì quan hệ pháp luật của vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[1.2]. Bị đơn là ông Lưu Quang T không có yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông T vắng mặt không có lý do nhưng đây là phiên tòa lần thứ hai và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho ông T. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2]. Nội dung tranh chấp:

[2.1]. Trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn ông Lưu Quang T thừa nhận ông T vay tiền của bà Nguyễn Thị Thanh P số tiền 57.700.000.000 đồng (năm mươi bảy tỷ bảy trăm triệu đồng), theo “giấy biên bản giao nhận tiền và xác nhận công nợ ngày 18/11/2021” mà bà P cung cấp cho Tòa án là đúng. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện mà các đương sự không phải chứng minh.

[2.2]. Như nhận định tại mục [2.1] giữa ông T và bà P có thỏa thuận vay tài sản là có thật và ông T thừa nhận vay số tiền 57.700.000.000 (năm mươi bảy tỷ bảy trăm triệu) đồng. Đồng thời tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 25/02/2025 của Tòa án, ông T đồng ý trả số tiền 57.700.000.000 (năm mươi bảy tỷ bảy trăm triệu) đồng cho bà P nhưng không đồng ý trả lãi đối với số tiền trên cho bà P nên Tòa án tiến hành hòa giải không thành. Ông T vay tiền của bà P nhưng không trả tiền cho bà P đã làm ảnh

hưởng đến quyền lợi của bà P nên bà P khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền đã vay là phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên yêu cầu khởi kiện của bà P về việc buộc ông T phải trả tiền gốc 57.700.000.000đ (năm mươi bảy tỷ bảy trăm triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[2.3]. Về yêu cầu tính lãi chậm trả: Tại phiên tòa người được ủy quyền của nguyên đơn xin rút toàn bộ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và là quyền quyết định, tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Điều 5, Điều 217, Điều 243, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà P về yêu cầu ông T trả số tiền lãi 33.418.575.342đ (ba mươi ba tỷ bốn trăm mười tám triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi hai đồng) là đúng quy định của pháp luật.

[2.4]. Hợp đồng ủy quyền ngày 26/9/2017 giữa người ủy quyền công ty TNHH T do ông Lưu Quang T ký kết với người nhận ủy quyền bà Nguyễn Thị Thanh P về việc ủy quyền cho bà P đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 120 và các thửa đất số 556, số 557, số 558 cùng tờ bản đồ số 121 tọa lạc tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai, các thửa đất này giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Công ty T. Đối với hợp đồng này bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: $57.700.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 165.700.000\text{đ}$ (một trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm ngàn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 99.559.288đ (chín mươi chín triệu năm trăm năm mươi chín ngàn hai trăm tám mươi tám đồng) bà P đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010117 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

[4]. Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 92, 147, 217, 227, 228, 243, 244, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh P về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” với bị đơn ông Lưu Quang T.

Buộc ông Lưu Quang T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh P số tiền 57.700.000.000đ (năm mươi bảy tỷ bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh P về việc buộc ông Lưu Quang T trả số tiền lãi 33.418.575.342đ (ba mươi ba tỷ bốn trăm mười tám triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi hai đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lưu Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 165.700.000đ (một trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh P số tiền tạm ứng án phí là 99.559.288đ (chín mươi chín triệu năm trăm năm mươi chín ngàn hai trăm tám mươi tám đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010117 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Lưu Quang T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã

được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quyết Tâm

